

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57 /2017/QĐ-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 8 năm 2017

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: ...S...
Ngày: 05.10.17

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước
và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 87/TTr-SXD ngày 16 tháng 8 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 9 năm 2017.

Điều 3. Các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các cấp; Ban quản lý các khu kinh tế tỉnh An Giang; các tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Đài Phát thanh Truyền hình An Giang;
- Báo An Giang, Phân xã AG;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website An Giang;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nưng

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh An Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 57 /2017/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị; khu công nghiệp; khu kinh tế cửa khẩu; cụm công nghiệp; các cơ sở sản xuất công nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cụm công nghiệp; làng nghề; khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Các nội dung khác liên quan đến quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh An Giang không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (sau này gọi là Nghị định 80/2014/NĐ-CP) và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh

1. Đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải xây dựng hệ thống thoát nước riêng.

2. Đối với các đô thị đã có hệ thống thoát nước, khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn tập trung, làng nghề: Tùy điều kiện cụ thể quy hoạch, xây dựng hệ thống thoát nước chung, riêng hoặc nửa riêng. Khuyến khích xây dựng hệ thống thoát nước riêng.

Điều 3. Nguyên tắc chung quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải

1. Hệ thống thoát nước phải được xây dựng đồng bộ, được duy tu, bảo dưỡng. Ưu tiên sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của tỉnh.

2. Các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và các dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khác có liên quan với nhau trong quá trình thực hiện phải có phương án đảm bảo an toàn về công trình và hoạt động của nhau.

3. Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải phải đảm bảo an toàn theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Nước thải có tính nguy hại và bùn thải nguy hại phát sinh từ hệ thống thoát nước phải được quản lý theo quy định của Chính phủ về quản lý chất thải nguy hại.

4. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải phải trả tiền dịch vụ thoát nước.

5. Giá dịch vụ thoát nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định có tính đến đối tượng, loại hình, mức độ ô nhiễm của nước thải xả vào môi trường tiếp nhận và khả năng chi trả, điều kiện kinh tế xã hội của các hộ thoát nước.

6. Khuyến khích và huy động sự tham gia của mọi thành phần kinh tế để đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng các hệ thống thoát nước đô thị, cụm dân cư nông thôn tập trung, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề.

Chương II

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 4. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu hệ thống thoát nước đô thị trên địa bàn từ hai (02) huyện/thành phố/thị xã trở lên:

a) Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Nhận bàn giao từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu nhà ở, khu đô thị mới;

c) Nhận bàn giao từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình thoát nước có thời hạn.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước quy định tại Khoản 1 điều này trên địa bàn do mình quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu hệ thống thoát nước qui định tại Điểm a, Điểm c Khoản 1 điều này tại các khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn do mình quản lý.

4. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm làng nghề là chủ sở hữu hệ thống thoát nước thuộc khu

đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao theo quy định.

5. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư cho đến khi bàn giao theo quy định.

Điều 5. Chủ đầu tư công trình thoát nước

Xác định chủ đầu tư công trình thoát nước theo quy định tại Điều 11 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Điều 6. Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải tuân thủ theo các quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Tùy theo đặc điểm, quy mô dự án, khi nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng, cải tạo công trình hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải thực hiện:

a) Tổ chức điều tra, khảo sát xã hội học, tham vấn cộng đồng đối với các dự án có yêu cầu phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;

b) Lựa chọn công nghệ xử lý nước thải: Tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải theo quy định tại Điều 16 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Ưu tiên sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của tỉnh;

c) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải thực hiện đồng bộ từ mạng lưới thoát nước cấp 1, cấp 2, cấp 3; đầu nối hộ thoát nước, nhà máy xử lý nước thải, cửa xả ra môi trường tiếp nhận.

3. Khuyến khích, thu hút đầu tư theo các hình thức đối tác công tư. Các dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cụm công nghiệp, làng nghề do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng được ưu tiên hỗ trợ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 7. Bàn giao công trình thoát nước

1. Đối với công trình được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, ngay sau khi công trình được nghiệm thu, đưa vào sử dụng theo quy định hiện hành, chủ đầu tư công trình thoát nước phải bàn giao cho chủ sở hữu để quản lý vận hành và khai thác.

2. Hồ sơ bàn giao bao gồm: Bản vẽ hoàn công, quy trình hướng dẫn vận hành, quy trình bảo trì công trình, danh mục các thiết bị, phụ tùng, vật tư dự trữ thay thế và các biên bản, tài liệu cần thiết khác có liên quan.

3. Khi bàn giao công trình cho chủ sở hữu, chủ đầu tư phải đảm bảo công trình thoát nước đạt yêu cầu về chất lượng xây dựng, về môi trường, về hiệu quả thoát nước, hiệu quả xử lý nước thải.

Chương III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 8. Lựa chọn đơn vị thoát nước

1. Việc lựa chọn đơn vị thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, việc lựa chọn đơn vị thoát nước theo hướng xem xét, chỉ định cho những đơn vị có kinh nghiệm, có năng lực đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

3. Đơn vị thoát nước được lựa chọn phải có đủ nhân lực, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật chuyên ngành cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

Điều 9. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước và đơn vị thoát nước phải ký kết hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước theo quy định. Mẫu hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng.

2. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có thời hạn ngắn nhất là năm (05) năm và dài nhất là mười (10) năm. Trường hợp muốn tiếp tục kéo dài hợp đồng, trước khi kết thúc thời hạn hợp đồng ít nhất là một (01) năm thì các bên tham gia hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước phải tiến hành thương thảo việc kéo dài hợp đồng quản lý, vận hành và đi đến ký kết.

3. Tùy thuộc vào năng lực, một đơn vị thoát nước có thể ký nhiều hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước với nhiều chủ sở hữu khác nhau.

Điều 10. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có các quyền sau:

a) Lựa chọn, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý vận hành với đơn vị thoát nước để quản lý vận hành và cung cấp dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải;

b) Giám sát và kiểm tra hệ thống thoát nước và các hạng mục của hệ thống vào bất cứ thời điểm nào để đảm bảo tính hiệu quả của các hoạt động quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo hợp đồng đã ký.

2. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có các nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

a) Không can thiệp các công việc liên quan đến quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và hoạt động tài chính của đơn vị thoát nước, bao gồm cả các vấn đề về quản lý nhân sự, phương pháp vận hành hệ thống và các vấn đề cụ thể khác mà không có sự thông báo trước bằng văn bản và không được sự chấp thuận của đơn vị thoát nước;

b) Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng: không bán, cho thuê hoặc nhượng quyền quản lý các tài sản cố định đã giao cho đơn vị thoát nước quản lý vận hành khi chưa được sự đồng ý của đơn vị thoát nước;

c) Trong các trường hợp vi phạm các nội dung đã quy định trong hợp đồng thì chủ sở hữu hệ thống thoát nước phải bồi thường tổn thất thiệt hại do việc vi phạm gây ra đối với đơn vị thoát nước;

d) Lập và cung cấp cho đơn vị thoát nước một bản danh mục về các công trình của hệ thống thoát nước, các bản vẽ hoàn công các công trình đã được xây dựng. Trong trường hợp không có các bản vẽ hoàn công các công trình thoát nước, chủ sở hữu với sự hỗ trợ của đơn vị thoát nước sẽ tiến hành khảo sát thống kê, xác định vị trí, kích thước, đánh giá hiện trạng, định giá giá trị còn lại của tài sản;

đ) Chủ sở hữu có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các nội dung và giá trị hợp đồng của hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước;

e) Phối hợp với đơn vị thoát nước tổ chức và triển khai các chương trình truyền thông, thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước, chính sách bắt buộc đấu nối và cung cấp dịch vụ thoát nước, các quy định về giá dịch vụ thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chính sách về giám sát cộng đồng đối với dịch vụ thoát nước;

g) Đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho đơn vị thoát nước theo nội dung của hợp đồng;

h) Tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư, hồ sơ thiết kế xây dựng do đơn vị thoát nước lập trong việc sửa chữa lớn, thay thế, phục hồi và mở rộng hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ của hợp đồng quản lý, vận hành;

i) Hỗ trợ đơn vị thoát nước trong việc đấu nối hệ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền sau:

a) Có quyền được thanh toán đúng và đầy đủ chi phí dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo hợp đồng đã ký kết với chủ sở hữu;

b) Có quyền được đề nghị chủ sở hữu, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét bổ sung, điều chỉnh giá hợp đồng theo quy định;

c) Có quyền được bồi thường thiệt hại do các bên liên quan gây ra theo quy định của pháp luật;

d) Được làm chủ đầu tư các công trình xây dựng, cải tạo, thay thế và mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trong phạm vi quản lý;

đ) Ký hợp đồng dịch vụ thoát nước và thu tiền dịch vụ thoát nước với các hộ thoát nước (trừ hộ thoát nước gia đình sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung);

e) Có quyền giám sát xả thải của các hộ thoát nước và kiến nghị xử lý theo quy định đối với những hộ thoát nước vi phạm.

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

a) Quản lý tài sản và hồ sơ tài sản được đầu tư từ nguồn vốn của chủ sở hữu theo Hợp đồng ký kết; thiết lập, cập nhật và lưu trữ cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

b) Xây dựng các quy trình quản lý vận hành chuẩn đối với các thành phần của hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và tổ chức triển khai thực hiện;

c) Đảm bảo việc thoát nước, thu gom, xử lý nước thải và xả nước thải vào nguồn tiếp nhận theo đúng thỏa thuận với cơ quan quản lý môi trường;

d) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước và các quy định liên quan khác;

đ) Đảm bảo duy trì ổn định dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải. Xử lý các sự cố, khôi phục kịp thời việc thoát nước và xử lý nước thải;

e) Bảo vệ an toàn hệ thống thoát nước theo quy định;

g) Xây dựng kế hoạch, phương án đấu nối và báo cáo chủ sở hữu hệ thống thoát nước để tổ chức triển khai thực hiện;

h) Thông tin thỏa thuận đấu nối cho các đối tượng khi có nhu cầu;

i) Có trách nhiệm tổ chức kiểm soát việc xả nước thải của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý bảo đảm các quy chuẩn kỹ thuật quy định. Tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm chất lượng nước thải khi thấy cần thiết;

k) Bồi thường khi gây thiệt hại cho hộ thoát nước theo quy định;

l) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện việc đấu nối thoát nước;

m) Các nghĩa vụ khác theo định của pháp luật.

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hộ thoát nước

Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hộ thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Điều 13. Quản lý vận hành hệ thống thoát nước

Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa và tái sử dụng nước mưa, hệ thống hồ điều hòa, hệ thống thoát nước thải và xử lý nước thải thực hiện theo các quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Điều 14. Quy định về xử lý nước thải phi tập trung

Xử lý nước thải phi tập trung thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Điều 15. Quản lý, sử dụng nước thải sau xử lý

Quản lý, sử dụng nước thải sau xử lý thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Điều 16. Nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước

Khi tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải thực hiện đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường (tùy theo tính chất và quy mô của dự án) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Lập kế hoạch cụ thể về thời gian thi công, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và bảo đảm vệ sinh môi trường gửi Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện năm (05) ngày trước khi tiến hành nạo vét để phối hợp giám sát, quản lý.
3. Thực hiện các biện pháp cần thiết như đặt tín hiệu, biển báo công trình,... để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.
4. Chất thải nạo vét phải để vào thùng kín, không được để rò rỉ ra ngoài và phải vận chuyển về đúng nơi quy định bằng phương tiện chuyên dùng. Nghiêm cấm để chất thải qua đêm trên đường phố.
5. Nạo vét đến đâu, phải tiến hành đập nắp đan, chèn khít mạch hệ thống thoát nước đến đó. Không được để miệng cống, hố ga hở khi không có người túc trực.
6. Nghiêm cấm tổ chức nạo vét vào các giờ cao điểm hàng ngày. Trường hợp khẩn thiết, việc tổ chức nạo vét vào giờ cao điểm phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 17. Quản lý bùn thải

1. Quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước và bùn thải từ bể tự hoại thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định 80/2014/NĐ-CP và Điều 2, Điều 3 của Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng.
2. Chi phí thông hút, vận chuyển và xử lý bùn thải bể tự hoại do các chủ hộ gia đình, cơ quan hành chính, và cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ chi trả theo hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ.
3. Nghiêm cấm các cá nhân, tổ chức không có giấy phép tự ý thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải.

Chương IV

QUY ĐỊNH ĐẦU NỐI VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 18. Đối tượng đầu nối và miễn trừ đầu nối

Tất cả các hộ thoát nước nằm trong khu vực có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải và hộp đầu nối là đối tượng bắt buộc phải

đầu nối vào hệ thống thoát nước; trừ các trường hợp được miễn trừ đầu nối được quy định tại Điều 35 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Điều 19. Thỏa thuận đầu nối

1. Các hộ thoát nước chỉ được phép thực hiện đầu nối vào hệ thống thoát nước tập trung sau khi đã có hồ sơ thỏa thuận đầu nối của đơn vị thoát nước và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép xả thải (đối với các trường hợp cần có) theo quy định.

2. Hồ sơ thỏa thuận đầu nối gồm: Đơn xin đầu nối; vị trí đầu nối; thời điểm đầu nối; các yêu cầu kỹ thuật của điểm đầu nối; chất lượng và khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối.

Điều 20. Trách nhiệm của các bên về đầu nối thoát nước

1. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng hộp đầu nối và đường ống thu gom và chuyển tải từ hộp đầu nối đến đường cống của mạng lưới thoát nước tập trung.

2. Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư đường ống thoát nước trong phạm vi phần đất thuộc quyền sử dụng của mình và thực hiện công tác đầu nối đường ống thoát nước của mình vào hộp đầu nối. Việc thi công tại điểm đầu nối có thể thuê đơn vị thoát nước thực hiện. Trường hợp hộ thoát nước tự tổ chức thi công thì phải được đơn vị thoát nước giám sát nhằm đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật. Hộ thoát nước không phải chi trả chi phí giám sát này cho đơn vị thoát nước.

3. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm cung cấp cho các hộ thoát nước các thông tin về vị trí điểm đầu nối, cao độ điểm đầu nối, các quy định về đầu nối, yêu cầu chất lượng nước thải khi xả vào điểm đầu nối.

Điều 21. Yêu cầu đầu nối hệ thống thoát nước

1. Tại lưu vực của hệ thống thoát nước chung, nước mưa và nước thải của hộ thoát nước được phép xả vào một hộp đầu nối chung. Tại lưu vực của hệ thống thoát nước riêng, nước mưa và nước thải của hộ thoát nước được xả riêng vào 02 hộp đầu nối; 01 hộp đầu nối vào cống thoát nước mưa và 01 hộp đầu nối vào cống thoát nước thải.

2. Vị trí hộp đầu nối tại điểm đầu nối được đặt trên phần đất công sát ranh giới giữa phần đất công và đất thuộc quyền sử dụng của các hộ thoát nước.

3. Cao độ và các yêu cầu kỹ thuật của điểm đầu nối do đơn vị thoát nước quy định. Trong trường hợp cao độ của điểm đầu nối cao hơn cao độ nền công trình của hộ thoát nước; hộ thoát nước tự lựa chọn giải pháp kỹ thuật phù hợp (tôn nền hoặc dùng máy bơm nước thải tự động, v.v) để xây dựng hệ thống thoát nước của mình đảm bảo nước từ hệ thống thoát nước tập trung không chảy ngược vào.

4. Cho phép các hộ gia đình xả nước thải sinh hoạt trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại các điểm đầu nối.

5. Các hộ thoát nước khác (trừ các hộ gia đình) phải tổ chức thu gom nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quy định trước khi xả vào điểm đầu nối theo các quy định về đầu nối và thỏa thuận đầu nối.

6. Việc đầu nối hệ thống thoát nước phải đảm bảo không rò rỉ lượng nước thải ra bên ngoài và thấm vào lòng đất hoặc chảy vào nguồn tiếp nhận khác.

7. Ống thoát nước từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đầu nối phải có đường kính và độ dốc đảm bảo đủ để thoát nước không bị tắc nghẽn.

Điều 22. Trình tự thực hiện đầu nối

Bước 1: Đơn vị thoát nước thông báo Kế hoạch đầu nối thoát nước đến các hộ thoát nước.

Bước 2: Hộ thoát nước tự thực hiện hoặc thuê đơn vị thoát nước thực hiện công tác khảo sát, thiết kế và lập dự toán đầu nối. Trường hợp hộ thoát nước tự thiết kế đầu nối thì hồ sơ thiết kế đầu nối phải đúng quy định, yêu cầu và được đơn vị thoát nước chấp thuận.

Bước 3: Đơn vị thoát nước ký hợp đồng dịch vụ thoát nước với hộ thoát nước.

Bước 4: Hộ thoát nước có thể thuê đơn vị thoát nước thi công hoặc tự tổ chức thi công đầu nối. Đơn vị thoát nước thực hiện thi công đầu nối đối với trường hợp hộ thoát nước được hỗ trợ 100% chi phí đầu nối.

Bước 5: Lập biên bản nghiệm thu thi công đầu nối giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước trường hợp đơn vị thoát nước thực hiện công tác đầu nối.

Điều 23. Chi phí đầu nối và chính sách hỗ trợ đầu nối

1. Chi phí đầu nối bao gồm: Chi phí khảo sát, thiết kế, lập dự toán; chi phí vật tư (đường ống và phụ kiện); chi phí lắp đặt và hoàn trả mặt bằng từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đầu nối.

2. Đối tượng được hỗ trợ:

a) Đối tượng 1: Là hộ gia đình Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, người hoạt động cách mạng trước khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

b) Đối tượng 2: Là hộ gia đình người có công với cách mạng (trừ đối tượng 1) được cấp có thẩm quyền xác nhận.

c) Đối tượng 3: Là những hộ thoát nước thuộc diện hộ gia đình nghèo có sổ chứng nhận hộ nghèo tại thời điểm thực hiện đầu nối.

d) Đối tượng 4: Là những hộ thoát nước chấp hành và thực hiện đầu nối ngay khi được yêu cầu đầu nối.

3. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% chi phí đầu nối đối với những hộ thoát nước thuộc đối tượng 1.

b) Hỗ trợ 50% chi phí đầu nối đối với những hộ thoát nước thuộc đối tượng 2 và đối tượng 3.

c) Hỗ trợ 25% chi phí đầu nối đối với những hộ thoát nước thuộc đối tượng 4.

3. Nguồn vốn hỗ trợ: Từ ngân sách địa phương, từ nguồn vốn của đơn vị thoát nước, từ nguồn vốn của dự án đầu tư xây dựng hoặc nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Các hộ thoát nước không thuộc đối tượng tại Khoản 2 Điều này có trách nhiệm chi trả 100% chi phí để thực hiện đầu nối.

Điều 24. Trình tự thực hiện hỗ trợ đầu nối

Bước 1: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Ban quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với đơn vị thoát nước tổ chức rà soát lập danh sách đối tượng được hỗ trợ và lập dự toán kinh phí hỗ trợ đầu nối cho các đối tượng cùng lúc gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí và nguồn vốn hỗ trợ đầu nối;

Bước 3: Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu thi công đầu nối giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước; đơn vị quản lý nguồn vốn hỗ trợ đầu nối có trách nhiệm chuyển toàn bộ kinh phí hỗ trợ đầu nối cho đơn vị thoát nước.

Chương V

DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Điều 25. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước

1. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước là một nội dung được quy định trong hợp đồng quản lý vận hành và hợp đồng dịch vụ thoát nước được ký kết giữa đơn vị thoát nước với chủ sở hữu hệ thống thoát nước và với hộ thoát nước. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước liên quan đến: Thời gian tiêu thoát nước mưa ứng với các cường độ mưa, tần suất mưa; Khả năng tiêu thoát nước thải; Chất lượng nước thải; An toàn môi trường; Chất lượng và độ an toàn của công trình thoát nước; Thời gian và chất lượng khắc phục sự cố, sửa chữa hư hỏng; Mức độ đáp ứng các yêu cầu của khách hàng; v.v.

2. Tùy từng điều kiện cụ thể của từng khu vực trên địa bàn tỉnh, đơn vị thoát nước xây dựng và ban hành tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước của đơn vị mình sau khi có ý kiến thống nhất của chủ sở hữu và Sở Xây dựng.

Điều 26. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Các hộ thoát nước (trừ hộ gia đình) phải ký hợp đồng dịch vụ thoát nước với đơn vị thoát nước trước khi đầu nối và xả nước thải vào hệ thống thoát nước tập trung.

2. Nội dung của hợp đồng dịch vụ thoát nước theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng.

Điều 27. Ngừng dịch vụ thoát nước

1. Đối với các hộ thoát nước là hộ gia đình:

Các hộ gia đình vi phạm các quy định về quản lý hoạt động thoát nước thì bị xử lý theo quy định của pháp luật. Đơn vị thoát nước không được ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước trong mọi trường hợp, trừ trường hợp phải ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước.

2. Đối với các hộ thoát nước khác:

a) Vi phạm các quy định về thoát nước mà không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường: Đơn vị thoát nước có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu hộ thoát nước khắc phục. Sau mười (10) ngày mà hộ thoát nước không chấp hành thì đơn vị thoát nước ra thông báo lần thứ hai, nếu sau năm (05) ngày tiếp theo mà hộ thoát nước vẫn không chấp hành thì đơn vị thoát nước được phép ngừng dịch vụ thoát nước theo thỏa thuận đã được quy định trong Hợp đồng dịch vụ thoát nước và các quy định của pháp luật về thoát nước;

b) Vi phạm các quy định về thoát nước gây ảnh hưởng xấu đến môi trường: Đơn vị thoát nước tiến hành lập biên bản và yêu cầu hộ thoát nước phải khắc phục ngay. Nếu hộ thoát nước không chấp hành thì bị xử lý theo quy định pháp luật; đồng thời đơn vị thoát nước được quyền ngừng dịch vụ thoát nước.

3. Dịch vụ thoát nước được khôi phục ngay sau khi hộ thoát nước đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định.

4. Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước: Đơn vị thoát nước phải thông báo cho các hộ thoát nước có liên quan biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước; đồng thời, đơn vị thoát nước phải có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của các hộ thoát nước và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

5. Nếu điểm đầu nối thoát nước xảy ra sự cố thì đơn vị thoát nước phải báo cáo chủ sở hữu và thực hiện khắc phục sự cố trong thời gian chậm nhất là năm (05) ngày (kể từ khi sự cố xảy ra); đồng thời có biện pháp hạn chế tối đa ảnh hưởng môi trường xung quanh.

Điều 28. Trách nhiệm chi trả dịch vụ thoát nước

1. Hộ thoát nước xả nước thải vào hệ thống thoát nước tập trung phải thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thoát nước. Hộ thoát nước đã thanh toán giá

dịch vụ thoát nước không phải trả phí bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

2. Hộ thoát nước xả nước thải trực tiếp ra môi trường (trường hợp được cấp phép theo quy định) phải trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Điều 29. Giá dịch vụ thoát nước

1. Giá dịch vụ thoát nước được xác định theo phương pháp quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02/4/2015 của Bộ Xây dựng.

2. Trách nhiệm lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước: Theo quy định tại Điều 41 Nghị định 80/2014/NĐ-CP

3. Xác định khối lượng nước thải:

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Trường hợp hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước; Đối với hộ thoát nước gia đình không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì lượng nước thải sinh hoạt được khoán 3 m³/người-tháng đối với khu vực đô thị và 2 m³/người-tháng đối với khu vực nông thôn.

b) Đối với loại nước thải khác: Khối lượng nước thải được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

4. Xác định hàm lượng COD trong nước thải:

Việc xác định hàm lượng COD trong nước thải làm căn cứ xác định giá dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

5. Phương thức thu, quản lý và sử dụng tiền dịch vụ thoát nước:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện cung cấp dịch vụ cấp nước có trách nhiệm tổ chức thu tiền dịch vụ thoát nước đối với hộ thoát nước gia đình sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thông qua hóa đơn tiền nước và hưởng chi phí dịch vụ đi thu bằng 5% số tiền thu dịch vụ thoát nước;

b) Đơn vị thoát nước trực tiếp thu tiền dịch vụ thoát nước đối với các hộ gia đình không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung;

c) Đơn vị thoát nước thu tiền dịch vụ đối với các hộ thoát nước khác trên cơ sở hợp đồng dịch vụ thoát nước được ký giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước;

d) Nguồn thu từ dịch vụ thoát nước do chủ sở hữu hệ thống thoát nước quản lý và được sử dụng để: Chi trả cho hợp đồng quản lý vận hành, đầu tư để duy trì và phát triển hệ thống thoát nước.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN
PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ

Điều 30. Trách nhiệm quản lý của các sở, ban ngành tỉnh

1. Sở Xây dựng

a) Sở Xây dựng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với các hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Công tác lập quy hoạch thoát nước; Đầu tư phát triển các hệ thống thoát nước; Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì thẩm định các nội dung về quy hoạch thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải trong các đồ án quy hoạch chung xây dựng vùng tỉnh, đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh;

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc lập quy hoạch chuyên ngành thoát nước đối với đô thị loại III trở lên nếu nhận thấy quy hoạch thoát nước trong quy hoạch đô thị đã được phê duyệt chưa đủ điều kiện để lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và kêu gọi đầu tư;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn toàn tỉnh (trừ các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu) trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

đ) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư công trình thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu dân cư tập trung, làng nghề theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh;

e) Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản của Chính phủ, của các bộ, ngành liên quan về thoát nước trên địa bàn tỉnh;

g) Thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra chuyên ngành thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh theo quy định;

h) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ các hộ thoát nước xả vào hệ thống thoát nước đô thị;

i) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước và điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước, gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn khác không thuộc ngân sách nhà nước; Phối hợp với Sở Tài chính có ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước tại các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu;

k) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các cấp thống nhất vị trí xả nước thải ra nguồn tiếp nhận;

l) Có trách nhiệm tổng hợp bộ cơ sở dữ liệu của toàn bộ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh từ cơ sở dữ liệu do các chủ sở hữu hệ thống thoát nước cung cấp; Quản lý, khai thác và sử dụng bộ cơ sở dữ liệu này;

m) Lập báo cáo về tình hình hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng định kỳ và đột xuất.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Hàng năm, tổng hợp, cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch bố trí vốn cho xây dựng các dự án công trình thoát nước và xử lý nước thải;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và Sở Tài chính tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung theo các hình thức đầu tư khác không sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Là đầu mối đăng ký với các bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải;

đ) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và lộ trình giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách Nhà nước;

b) Cho ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh để các chủ đầu tư kinh doanh phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cụm công nghiệp làm cơ sở quyết định mức giá theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan thẩm định dự toán quản lý vận hành hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

d) Phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thu và sử dụng giá dịch vụ thoát nước của chủ sở hữu hệ thống thoát nước đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

đ) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm cân đối nguồn vốn đầu tư các hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh từ ngân sách Nhà nước;

e) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý về tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển thoát nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường, tài nguyên nước đối với các công trình thoát nước và xử lý nước thải; thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định về hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát, kiểm tra việc xả nước thải vào nguồn tiếp nhận từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung, làng nghề, bệnh viện. Tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, về bảo vệ môi trường, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

d) Chủ trì thẩm định các báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thoát nước, xử lý nước thải theo phân cấp; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thoát nước khi được ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Tổ chức quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

a) Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống thủy lợi liên quan đến thoát nước phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải, nhằm thoát nước, chống úng ngập và bảo vệ hệ thống thủy lợi;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải của các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống thủy lợi; Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước vào hệ thống thủy lợi và xử lý vi phạm theo quy định;

c) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung vào hệ thống thủy lợi.

6. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với các cơ đơn vị liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành.

7. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý Nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các bệnh viện và các cơ sở y tế công lập và tư nhân trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Công Thương

Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định công nghệ theo phân cấp đối với các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

10. Công an tỉnh

Thực hiện chức năng phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm hành chính về môi trường liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh theo quy định.

11. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu do mình quản lý;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Chỉ đạo tổ chức xây dựng giá dịch vụ thoát nước trong các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, gửi Sở Tài chính, Sở Xây dựng xem xét thoả thuận;

d) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát các nhà đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải;

đ) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét vị trí và cao độ xả thải đối với hồ sơ xin phép xả thải của hệ thống thoát nước thải trong khu vực do mình quản lý theo quy định;

e) Phối hợp với cơ quan thanh tra trong việc tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu;

g) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu do mình quản lý;

h) Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu do mình quản lý theo định kỳ 06 tháng, cả năm và đột xuất về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 31. Trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Là chủ sở hữu hệ thống thoát nước đô thị, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện được đầu tư từ ngân sách nhà nước. Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý;

2. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu, bao gồm: Lựa chọn đơn vị thoát nước; Ký kết và thực hiện hợp đồng quản lý vận hành với đơn vị thoát nước được lựa chọn;

3. Cho phép đấu nối vào hệ thống thoát nước đối với hộ thoát nước theo quy định;

4. Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức lập phương án giá dịch vụ thoát nước và lộ trình thực hiện trình Sở Tài chính thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Công thương và các cơ quan liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp trên địa bàn;

6. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện kiểm tra, thanh tra xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước trên địa bàn theo quy định;

7. Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo định kỳ và đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Điều 32. Trách nhiệm quản lý của ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trực tiếp quản lý, khai thác hệ thống thoát nước được giao làm chủ sở hữu;

2. Xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì, nạo vét hệ thống thoát nước được giao, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

3. Thực hiện công tác kiểm tra các hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn; Báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp huyện khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước trên địa bàn để xử lý theo quy định;

4. Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo định kỳ và đột xuất với Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, báo cáo về Sở Xây dựng;

5. Tổ chức thu, quản lý, sử dụng theo quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của những hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.

Điều 33. Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan

1. Các đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh

a) Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của những hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung do mình quản lý;

b) Quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được theo quy định.

2. Đơn vị thoát nước

a) Thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đã được nêu tại Điều 11 của Quy định này;

b) Báo cáo định kỳ theo quy định của chủ sở hữu và Sở Xây dựng về hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình được thuê quản lý vận hành.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành của tỉnh; Các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các cấp; Ban quản lý các khu kinh tế tỉnh An Giang; Các tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện đúng Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./. *ll*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



llllll
Lê Văn Nưng